

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 2448/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 29 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thể dục thể thao ngày 22 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 48/CT-BVHTTDL ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2009 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Văn hoá Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Y tế, Công an tỉnh; UBND các huyện, thành, thị và thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Kế San (Đã ký)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2448/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

Trong những năm qua cùng với những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh đã có những bước phát triển và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được phát triển rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc, với số người tập luyện thể thao thường xuyên tăng theo hàng năm. Thể thao thành tích cao bước đầu có sự phát triển; một số môn thể thao mũi nhọn được duy trì, thành tích thi đấu ổn định đứng trong top đầu các tỉnh, thành, ngành trên cả nước. Cơ sở vật chất và các thiết chế thể dục thể thao được tăng cường, bước đầu đáp ứng nhu cầu tập luyện của nhân dân, phục vụ công tác đào tạo vận động viên và công tác thi đấu.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII đã đề ra mục tiêu: “Nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng thể thao thành tích cao; quan tâm đào tạo, huấn luyện đội ngũ vận động viên, chú trọng những môn mũi nhọn, có thế mạnh. Khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hoá thể thao, từng bước đưa hoạt động văn hoá thể thao thành ngành kinh tế dịch vụ”.

Để thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xây dựng Đề án: “Đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015” gồm các nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN,
NÂNG CAO THÀNH TÍCH THỂ THAO TỈNH PHÚ THỌ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Đề án số 2492/ĐA-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2004 về “Đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2005 - 2010”. Ngoài việc tạo nền móng cho phát triển lực lượng vận động viên và thành tích thể thao theo Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao đến năm 2020, công tác đào tạo vận động viên giai đoạn 2005 - 2010 tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm.

- Đào tạo vận động của tỉnh tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008 (từ năm 2005 - 2008).

- Đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc hàng năm và Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V - năm 2006, lần thứ VI - năm 2010.

1. Công tác chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Nhằm chỉ đạo, triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án, ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 2856/QĐ-UBND, ngày 12/10/2006 về Quy hoạch phát triển sự nghiệp Thể dục Thể thao tỉnh Phú Thọ đến năm 2020; Kế hoạch số 1625/KH-UBND, ngày 19/12/2005 về việc đào tạo lực lượng Vận động viên tỉnh Phú Thọ tham dự Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII năm 2008; Kế hoạch số 2570/KH-UBND ngày 19/12/2005 về việc tổ chức thực hiện chương trình phát triển Thể dục thể thao ở xã, phường, thị trấn đến năm 2010; Quyết định số 3425/2006/QĐ-UB, ngày 12/12/2006 về việc thành lập Trường năng khiếu Thể dục thể thao; Quyết định 2520/QĐ-UBND, ngày 01/9/2009 về một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài và công tác tổ chức các giải thể thao; Kế hoạch 893/KH-UBND, ngày 10/4/2009 về việc tuyển chọn, đào tạo lực lượng Vận động viên tham gia thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VI năm 2010.

2. Công tác tuyển chọn, quản lý đào tạo vận động viên.

2.1. Tuyển chọn, đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - 2008.

Thực hiện theo kế hoạch 1625/KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2005 của ủy ban nhân dân tỉnh.

Giai đoạn 1: Tuyển chọn, đào tạo VĐV tại các lớp năng khiếu cơ sở:

Từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 6 năm 2006, toàn tỉnh mở 56/63 lớp năng khiếu cơ sở tại 13 huyện, thành, thị (*đạt 88,9% chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch*), với tổng số 1.461/1.780 vận động viên (*đạt 82% chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch*), của 15 môn thể thao: Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Điền kinh, Vật tự do, Vật dân tộc, Wushu, Đá cầu, Taekwondo, Karatedo, Judo, Thể dục và Bắn nỏ.

Công tác tuyển chọn đã phát hiện được những học sinh có năng khiếu thể thao, có đạo đức và lòng ham mê thể dục thể thao; quản lý, đào tạo bồi dưỡng tại các lớp năng khiếu cơ sở để tạo nguồn vận động viên cho các đội tuyển tham gia Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII năm 2008.

Giai đoạn 2. Đào tạo tập trung:

Từ tháng 7 năm 2006 đến tháng 8 năm 2008, tuyển chọn, quản lý, đào tạo tập trung 443/600 vận động viên (*đạt 73,8 chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch*), của 17/17 môn thể thao

(đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch): Bóng bàn, Cầu lông, Cờ vua, Điền kinh, Vật dân tộc, Vật tự do, Wushu, Đá cầu, Judo, Thể dục, Bắn nỏ, Bóng chuyền nam, nữ Trung học cơ sở, nam Trung học phổ thông, Bóng đá nam, nữ Trung học phổ thông, Bơi lội, Bóng rổ, Taekwondo, Karatedo, Bóng đá nam tiểu học, Bóng chuyền nữ Trung học phổ thông và Bóng đá nam Trung học cơ sở.

Trong thời gian đào tạo tập trung đã chú trọng công tác quản lý, giáo dục vận động viên toàn diện cả về tư tưởng đạo đức, chuyên môn, xây dựng bản lĩnh thi đấu và ý chí quyết tâm giành thành tích cao tại Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII năm 2008.

2.2. Đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ V - 2006, lần thứ VI - 2010.

Năm 2005 - 2006 đào tạo tập trung 95 vận động viên của 8/8 môn thể thao tham gia thi đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V - 2006, gồm các môn: Bóng chuyền, Điền kinh, Vật tự do - cổ điển, Vật dân tộc, Bắn cung, Wushu, Đẩy gậy và Bắn nỏ, (đạt 100% chỉ tiêu đề án).

Năm 2007 - 2010 đào tạo tập trung 100 vận động viên của 10 môn thể thao: Bóng chuyền, Điền kinh, Vật tự do - cổ điển, Vật dân tộc, Bắn cung, Wushu, Karatedo, Judo, Đẩy gậy và Bắn nỏ. Các mục tiêu, nhiệm vụ của đề án được cụ thể hoá bằng Kế hoạch số 893 của ủy ban nhân dân tỉnh. Tham gia thi đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VI năm 2010 gồm 10/11 môn: Vật dân tộc, Đẩy gậy, Karatedo, Vật tự do - cổ điển, Điền kinh, Judo, Bắn cung, Wushu, Bóng chuyền, Bắn nỏ (đạt 90,9% chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch). Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ xuất phát từ thực tiễn môn Taekwondo không tổ chức đào tạo, vì lý do khách quan.

Sau khi tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - 2008 và Đại hội thể dục thể thao toàn Quốc lần thứ VI - 2010. Công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu, các đội tuyển tham gia thi đấu các giải khu vực, toàn quốc vẫn tiếp tục được duy trì, tổng số 267 vận động viên của 13 môn thể thao: Bóng chuyền, Điền kinh, Vật tự do - cổ điển, Karatedo, Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Đá cầu, Bơi lội, Bắn cung, Wushu, Judo và Vật dân tộc; nhằm chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia thi đấu hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII - 2012 và Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần VII - 2014.

2.3. Công tác quản lý vận động viên.

Vận động viên được tuyển chọn vào các đội tuyển năng khiếu, tuyển trẻ, tuyển tỉnh, được trường năng khiếu thể dục thể thao, Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao, thuộc Sở Văn hoá, Thể dục và Du lịch quản lý. Các vận động viên được quan tâm tạo điều kiện ăn, ở, luyện tập thể thao, học tập văn hoá v.v... để hoàn thành tốt chương trình đào

tạo. Những vận động viên không đáp ứng yêu cầu chuyên môn, ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe sẽ phải thôi tham gia hệ thống đào tạo vận động viên của tỉnh. Các vận động viên có trình độ chuyên môn tốt được tạo mọi điều kiện để nâng cao thành tích thể thao và học tập văn hoá, sau khi thôi thi đấu được bố trí thi (theo nguyện vọng) vào các trường Cao đẳng, Đại học thể dục thể thao để trở thành giáo viên, huấn luyện viên.

Vận động viên Đội tuyển bóng chuyền nam Công an tỉnh, Đội bóng chuyền nữ Tổng công ty Giấy Việt Nam do Công an tỉnh và Tổng công ty Giấy Việt Nam quản lý, đào tạo.

3. Kết quả tham gia thi đấu các giải thể thao.

3.1. Tham gia thi đấu các giải khu vực và toàn quốc hàng năm (2005 - 2010).

- Tham gia thi đấu tổng số 137 giải, với 1.599 lượt vận động viên, giành 594 huy chương (118 HCV, 168 HCB, 290 HCD), có 127 lượt VĐV đạt đẳng cấp quốc gia. Hoàn thành tốt các mục tiêu: số giải thể thao tham gia, số huy chương đạt được theo kế hoạch từng năm.

3.2. Tham gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V - 2006.

- Tham gia thi đấu 8/8 môn thể thao (đạt 100% chỉ tiêu Đề án).

- Giành được 25/22 Huy chương các loại (đạt 113,6% chỉ tiêu Đề án); trong đó 5/6 Huy chương Vàng (đạt 83%), 8/7 Huy chương Bạc (đạt 114,2%), 12/9 Huy chương Đồng (đạt 133,3%).

- Xếp hạng thứ 29/66 tỉnh, thành, ngành trong cả nước (đạt 86,2% chưa đạt chỉ tiêu Đề án).

3.3. Tham gia Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - 2008.

- Tham gia thi đấu 17/17 môn thể thao (đạt 100% chỉ tiêu Đề án).

- Giành được 219/74 Huy chương các loại (đạt 295,90% vượt chỉ tiêu Đề án); trong đó 87/41 Huy chương Vàng (đạt 212%), 56/16 Huy chương Bạc (đạt 350%), 76/17 Huy chương Đồng (đạt 447%).

- Xếp hạng thứ 3/63 tỉnh, thành trong cả nước (đạt 166,6% vượt chỉ tiêu Đề án).

3.4. Tham gia Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VI - 2010.

- Tham gia thi đấu 10/11 môn thể thao (đạt 90,9% chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch).

- Giành được 35/34 Huy chương các loại (đạt 102,9% vượt chỉ tiêu kế hoạch); trong đó 3/9 Huy chương Vàng (đạt 33,3%), 13/11 Huy chương Bạc (đạt 55,5% chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch).

4. Đội ngũ huấn luyện viên.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên giai đoạn 2005 - 2010; đội ngũ huấn luyện viên được huy động từ 3 nguồn: Huấn luyện viên của tỉnh, huấn luyện viên trung tập từ cơ sở và hợp đồng các huấn luyện viên tỉnh ngoài.

Năm 2005 tổng số 34 huấn luyện viên, trong đó biên chế 10 huấn luyện viên, hợp đồng 18 huấn luyện viên và trung tập 06 huấn luyện viên.

Năm 2006 tổng số 51 huấn luyện viên, trong đó biên chế 17 huấn luyện viên, hợp đồng 21 huấn luyện viên và trung tập 13 huấn luyện viên.

Năm 2007 tổng số 63 huấn luyện viên, trong đó biên chế 20 huấn luyện viên, hợp đồng 30 huấn luyện viên và trung tập 13 huấn luyện viên.

Năm 2008 tổng số 61 huấn luyện viên, trong đó biên chế 21 huấn luyện viên, hợp đồng 28 huấn luyện viên và trung tập 12 huấn luyện viên.

Năm 2009 tổng số 48 huấn luyện viên, trong đó biên chế 32 huấn luyện viên, hợp đồng 16 huấn luyện viên.

Năm 2010 tổng số 49 huấn luyện viên, trong đó biên chế 34 huấn luyện viên, hợp đồng 15 huấn luyện viên.

So với nhu cầu huấn luyện các đội tuyển tỉnh, thì đội ngũ huấn luyện viên còn thiếu về số lượng; lực lượng huấn luyện viên ở một số môn thể thao trọng điểm và thể thao mũi nhọn kinh nghiệm chuyên môn và năng lực huấn luyện còn hạn chế.

5. Về tài chính, cơ sở vật chất.

Trong những năm qua, đã được tỉnh quan tâm tăng cường đầu tư kinh phí và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất để từng bước nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao. Tuy nhiên mức đầu tư kinh phí hàng năm theo kế hoạch còn chưa đáp ứng được yêu cầu kế hoạch đề ra.

- Về tài chính:

+ Kinh phí chi cho đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V - năm 2006 là 4.676.534.000đ (đạt 53,74% đề án 2492/ĐA-UB).

+ Kinh phí chi cho đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - năm 2008 là 21.677.970.000đ (đạt 72,25% kế hoạch 1625/KH-UBND).

+ Kinh phí chi cho đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ VI - năm 2010 là 9.798.000.000đ (đạt 96,03% kế hoạch 893/KH-UBND).

- Về cơ sở vật chất:

Sau khi đăng cai tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - 2008, các thiết chế thể dục thể thao của tỉnh đã được xây dựng, cải tạo và nâng cấp đưa vào sử dụng như: Nhà luyện tập và thi đấu thể thao tỉnh, Bể bơi, Sân vận động và các nhà đa năng tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở thuộc thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao, huyện Phù Ninh; đây là điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo vận động viên, phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh. Tuy nhiên, còn thiếu nhà ở, bếp ăn vận động viên, sân tập cho một số đội tuyển. Nhiều môn thể thao, trang thiết bị dụng cụ chuyên môn cũ và lạc hậu không đảm bảo yêu cầu cho đào tạo, huấn luyện vận động viên, nâng cao thành tích thể thao.

6. Đánh giá chung.

6.1. Ưu điểm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đề án “Đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2005 - 2010”. Đề án đã được các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở ủng hộ và tham gia tích cực. Thể thao thành tích cao của tỉnh đã được quan tâm, chú trọng hơn, trở thành một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và mỗi địa phương.

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đã đạt được những kết quả nhất định; đặc biệt là nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo vận động viên tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VII - 2008, Đoàn Phú Thọ xếp thứ 3/64 tỉnh, thành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Thành tích thể thao từng bước được nâng cao, đã hình thành hệ thống đào tạo vận động viên ở ba tuyến (năng khiếu tỉnh, tuyển trẻ, tuyển tỉnh). Đào tạo tập trung vận động viên các môn tăng theo từng năm. Thành tích thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc ngày càng tăng, đã có vận động viên tham gia đội tuyển quốc gia, giành Huy chương tại các giải Đông Nam á và châu á.

- Các thiết chế về thể dục thể thao cấp tỉnh được tăng cường đáp ứng bước đầu nhu cầu tập luyện của nhân dân, công tác đào tạo vận động viên và tổ chức thi đấu các giải thể thao.

6.2. Tồn tại, hạn chế.

- Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn, đào tạo vận động viên còn hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành còn hạn chế, chưa đồng bộ trong công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề án.

- Một số mục tiêu của đề án thực hiện chưa đạt (số Huy chương Vàng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc lần thứ V - 2006 và lần thứ VI - 2010).

- Đào tạo vận động viên tuyển năng khiếu cơ sở chưa được hình thành.
- Nguồn tuyển chọn các tài năng thể thao cho thể thao thành tích cao còn nhiều khó khăn.
- Lực lượng huấn luyện viên nhiều môn thể thao còn thiếu về số lượng, kinh nghiệm huấn luyện ở một số môn thể thao còn hạn chế.
- Chế độ, chính sách ưu đãi chưa phù hợp để thu hút được vận động viên, huấn luyện viên giỏi về cho tỉnh. Kinh phí đầu tư cho việc tổ chức vận động viên, huấn luyện viên tập huấn trong nước và ngoài nước còn ít.
- Sân bãi, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác đào tạo vận động viên còn thiếu và chưa đồng bộ.
- Công tác xã hội hoá thể thao thành tích cao còn nhiều hạn chế.

6.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.

- Phối hợp giữa các ngành, đơn vị trong công tác đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao của tỉnh chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ.
- Hệ thống đào tạo vận động viên bốn tuyến chưa được hình thành và chưa đồng bộ (tuyển năng khiếu cơ sở, tuyển năng khiếu tỉnh).
- Chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên còn thấp, chưa đảm bảo dinh dưỡng cho vận động viên.
- Phong trào thể dục thể thao quần chúng chất lượng chưa cao, nhất là phong trào tập luyện các môn thể thao được tỉnh xác định là trọng điểm, hoạt động thể dục thể thao ngoại khoá trong nhà trường và hệ thống thi đấu các giải thể thao của tỉnh chưa hợp lý, chưa tạo nguồn cho tuyển chọn các tài năng thể thao.
- Kinh phí chi cho thể thao thành tích cao của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu.

6.4. Bài học kinh nghiệm.

- Sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, điều hành sát sao của chính quyền, sự vào cuộc phối hợp tích cực của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở.
- Lựa chọn đúng đắn, chính xác các môn thể thao trọng điểm, đặc biệt là các môn thể thao mũi nhọn phù hợp với điều kiện của tỉnh và tập trung đầu tư.
- Phát hiện, tuyển chọn vận động viên có năng khiếu; đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao; coi trọng công tác liên kết đào tạo giữa các tuyến.
- Xây dựng đội ngũ HLV đủ về số lượng và giỏi về chuyên môn.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính cho hoạt động TDTT.

- Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động thể thao.
- Tổ chức thường xuyên, có hệ thống các giải thi đấu thể thao của tỉnh và toàn quốc; tích cực tham gia thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc.
- Có cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút huấn luyện viên, vận động viên giỏi đầu quân cho tỉnh.
- Tăng cường hợp tác đào tạo vận động viên bằng nhiều hình thức với các tỉnh, thành, ngành, các Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao mạnh trong nước.

Phần thứ hai

ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN NÂNG CAO THÀNH TÍCH THỂ THAO TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Mục tiêu.

1.1. Mục tiêu tổng quát.

Nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng thể thao thành tích cao; quan tâm đào tạo, huấn luyện đội ngũ vận động viên, chú trọng những môn mũi nhọn, có thể mạnh. Khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể thao từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động thể thao. Phần đầu đến năm 2015 thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ đứng ở tốp trung bình khá các tỉnh, thành, ngành trong toàn quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

- Hàng năm tham gia thi đấu từ 30 - 40 giải thể thao khu vực và toàn quốc.

Phần đầu: Đạt từ 75 - 90 huy chương các loại và 25 - 30 vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

- Tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII - năm 2012, từ 8 - 10 môn: Vật tự do - cổ điển, Vật dân tộc, Bắn cung, Điền kinh, Judo, Wushu, Bơi lội, Bóng chuyền... Phần đầu xếp trong tốp 30 trở lên so với các tỉnh, thành, ngành trên toàn quốc.

- Hai đội bóng chuyên nam Công an tỉnh, nữ Giấy Bãi Bằng giữ vững thành tích ở hạng đội mạnh quốc gia.

2. Nhiệm vụ.

2.1. Xác định môn thể thao trọng điểm và môn thể thao mũi nhọn.

Để đảm bảo chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc lần thứ VIII - năm 2012, các giải thể thao quốc gia hàng năm, Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII - năm 2014 làm tiền đề cho phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn tiếp theo. Phú Thọ xác định các môn thể thao trọng điểm là 15 môn: Điền kinh, Bắn cung, Bắn nỏ, Vật tự do - cổ điển, Vật dân tộc, Judo, Wushu, Bơi lội, Bóng bàn, Đá cầu, Cầu lông, Karatedo, Bóng chuyền, quần vợt và Bóng đá (thiếu niên - nhi đồng).

Trong đó tập trung đầu tư đào tạo 8 môn mũi nhọn: Điền kinh, Bắn cung, Vật tự do - cổ điển, Vật dân tộc, Judo, Wushu, Bơi lội và Bóng chày.

2.2. Tuyển chọn vận động viên.

- Các nguồn tuyển chọn vận động viên:

+ Các lớp năng khiếu: Các lớp năng khiếu trong trường phổ thông, các lớp năng khiếu cơ sở, các lớp năng khiếu cơ sở ngoài công lập.

+ Từ hệ thống tổ chức thi đấu các giải trong tỉnh.

+ Từ các câu lạc bộ thể thao cơ sở.

+ Ký hợp đồng đối với các vận động viên có thành tích xuất sắc, có nguyện vọng về thi đấu cho tỉnh; đặc biệt những vận động viên có thành tích xuất sắc là con em Phú Thọ học tập, công tác trong nước và ngoài nước.

- Tuyển chọn theo tiêu chí chuyên môn từng môn: về hình thể, tố chất, kỹ thuật và phẩm chất đạo đức, được xây dựng phù hợp với từng đối tượng (nam, nữ, độ tuổi) và từng môn thể thao.

2.3. Quản lý, đào tạo vận động viên.

- Tổ chức đào tạo vận động viên theo bốn tuyến:

+ Hình thành và duy trì ổn định các lớp năng khiếu cơ sở theo tiềm năng và thể mạnh của các huyện, thành, thị đáp ứng tạo nguồn cho thể thao thành tích cao (dự kiến toàn tỉnh mở hàng năm từ 17 - 24 lớp, với 240 - 322 học sinh).

+ Tuyển năng khiếu tập trung: Trường năng khiếu thể dục thể thao ổn định đào tạo các môn thể thao trọng điểm của tỉnh đáp ứng yêu cầu tham gia thi đấu Hội khỏe Phù Đổng và tạo nguồn tuyển chọn vận động viên cho Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao. Hàng năm đào tạo tập trung từ 174 - 216 vận động viên của 10 - 12 môn thể thao.

+ Tuyển vận động viên đội tuyển trẻ, tuyển tỉnh: Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao đào tạo tập trung, có kế hoạch bổ sung thường xuyên lực lượng vận động viên cho tuyển trẻ, tuyển tỉnh, đảm bảo tính bền vững trong phát triển thành tích thể thao, từ các nguồn theo hệ thống đào tạo và hệ thống thi đấu các giải thể thao của tỉnh. Hàng năm đào tạo, huấn luyện từ 100 - 126 vận động viên các môn trọng điểm của tỉnh; trong đó: Tuyển trẻ từ 60 - 76 vận động viên, tuyển tỉnh từ 40 - 50 vận động viên.

- Hình thức đào tạo:

+ Đào tạo bán tập trung đối với vận động viên năng khiếu cơ sở.

+ Đào tạo tập trung đối với vận động viên năng khiếu của tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển sinh.

- Nội dung đào tạo:

Công tác đào tạo vận động viên phải đảm bảo yêu cầu toàn diện: Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, tâm lý và học tập văn hoá (đối với vận động viên đang là học sinh).

- Quản lý vận động viên.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý vận động viên theo các tuyến đào tạo.

+ Tuyển năng khiếu cơ sở:

- Các lớp năng khiếu thể dục thể thao trong trường phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường, phòng Giáo dục các huyện, thành, thị quản lý theo quy chế tại Quyết định số 32/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các lớp năng khiếu cơ sở ngoài công lập do các lớp quản lý theo quy chế quản lý cơ sở thể dục thể thao ngoài công lập của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Các lớp năng khiếu của các Trung tâm thể dục thể thao xã, phường, huyện, thị, các câu lạc bộ, các tổ chức xã hội về thể dục thể thao (Liên đoàn, Hiệp hội) do đơn vị chủ quản quản lý.

+ Tuyển năng khiếu đào tạo tỉnh, do Trường năng khiếu thể dục thể thao quản lý theo quy định và quy chế của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

+ Tuyển đội tuyển tỉnh, tuyển đội tuyển trẻ do Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao quản lý theo quy định và quy chế của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Vận động viên đội bóng chuyên nam Công an, nữ Tổng Công ty giấy Việt Nam do Công an tỉnh, Tổng Công ty giấy Việt Nam trực tiếp quản lý.

3. Các nhóm giải pháp thực hiện.

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác thể dục thể thao nói chung, thể thao thành tích cao nói riêng nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, quần chúng nhân dân đối với công tác thể dục thể thao, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội từ đó tạo nguồn lực cho phát triển sự nghiệp thể dục thể thao góp phần tích cực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ huấn luyện viên.

- Ổn định đội ngũ huấn luyện viên, bổ sung huấn luyện viên cho các đội tuyển và hợp đồng huấn luyện viên đảm bảo đủ số lượng (mỗi đội tuyển có từ 02 huấn luyện viên trở lên).

- Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ hướng dẫn viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu cơ sở, các lớp năng khiếu trong trường phổ thông, các câu lạc bộ thể thao ngoài công lập.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ huấn luyện viên của tỉnh có phẩm chất đạo đức tốt, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo lực lượng vận động viên của tỉnh.

- Bố trí huấn luyện viên các môn, các tuyến một cách khoa học và hợp lý, kết hợp giữa huấn luyện viên có kinh nghiệm với huấn luyện viên trẻ để thực hiện nhiệm vụ đào tạo vận động viên.

- Hợp đồng với các chuyên gia, huấn luyện viên giỏi trong và ngoài nước về tham gia huấn luyện các đội tuyển của tỉnh.

3.3. Tăng cường công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên.

- Hoàn chỉnh hệ thống đào tạo, huấn luyện vận động viên của tỉnh:

+ Tuyển năng khiếu cơ sở: Khuyến khích các trường phổ thông có điều kiện mở các lớp năng khiếu thể dục thể thao; tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo vận động viên, mở các câu lạc bộ thể dục thể thao ngoài công lập. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục - Đào tạo, ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị phối hợp chỉ đạo Trường năng khiếu thể dục thể thao kết hợp với các phòng Giáo dục - Đào tạo, phòng Văn hoá & Thông tin, các trường phổ thông mở các lớp năng khiếu thể dục thể thao cơ sở.

+ Tuyển năng khiếu tỉnh: Vận động viên được tuyển chọn vào Trường năng khiếu thể dục thể thao tỉnh phải đảm bảo tiêu chuẩn tuyển chọn và được sàng lọc qua quá trình thi đấu, hạn chế thấp việc đào thải vận động viên. Tiếp tục bồi dưỡng, phát triển tài năng thể thao để tham gia thi đấu Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc và cung cấp nguồn vận động viên cho đội tuyển các môn thể thao trọng điểm của tỉnh.

+ Tuyển vận động viên đội tuyển trẻ và tuyển vận động viên đội tuyển tỉnh: Phát triển vận động viên đảm bảo về chất lượng, ổn định thành tích thể thao lâu dài.

- Phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo chủ động tổ chức học tập văn hoá chương trình phổ thông cho học sinh là vận động viên tại Trường năng khiếu thể dục thể thao, Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao, định kỳ tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng và giải thể thao học sinh từng môn. Tạo điều kiện cho các vận động viên là học sinh được thuận lợi khi đi thi đấu các giải quốc gia.

- Liên kết với các Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao mạnh trong nước để đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho các vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh và liên kết đào tạo, cử vận động viên xuất sắc tập huấn ở nước ngoài.

- ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào công tác đào tạo vận động viên, xây dựng chương trình, kế hoạch, giáo án huấn luyện khoa học, phù hợp với trình độ của mỗi vận động viên.

- Tổ chức thi đấu kiểm tra theo định kỳ, qua đó đánh giá sự phát triển thành tích của vận động viên và chất lượng đào tạo vận động viên.

3.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường năng khiếu thể dục thể thao.

- Phối hợp tổ chức mở các năng khiếu cơ sở, để phát hiện, tuyển chọn những vận động viên năng khiếu thể thao.

- Tăng cường công tác quản lý, đào tạo vận động viên, đảm bảo việc học văn hoá cho vận động viên năng khiếu.

- Đào tạo các môn thể thao tham gia thi đấu các kỳ Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc. Chú trọng tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu các môn thể thao mũi nhọn, nhằm cung cấp vận động viên có chuyên môn tốt cho các đội tuyển trẻ, tuyển tỉnh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ huấn luyện viên đảm bảo đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt.

3.5. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở vật chất, sân bãi dụng cụ:

Hiện nay, cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ cho tập luyện và tổ chức thi đấu đã được cải thiện, song rất thiếu đồng bộ đặc biệt là ở cấp huyện và cơ sở. Để đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao, đạt chỉ tiêu đề ra và khắc phục những khó khăn về cơ sở vật chất, sân bãi, cần triển khai thực hiện một số biện pháp sau:

- Cấp tỉnh:

+ Khai thác có hiệu quả các thiết chế thể thao hiện có Nhà luyện tập và thi đấu thể thao, bể bơi, sân vận động, các nhà đa năng của các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở.

+ Thường xuyên có kế hoạch tu bổ, chống xuống cấp các thiết chế đã được xây dựng.

+ Tập trung đầu tư xây dựng các công trình, các thiết chế còn thiếu: Trụ sở làm việc, nhà ở, bếp ăn, sân tập luyện bắn cung, sân Quần vợt của Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao; sân tập luyện, nhà tập luyện đa năng... cho vận động viên Trường năng khiếu thể dục thể thao.

+ Đầu tư mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tập luyện và thi đấu hàng năm cho tuyển vận động viên năng khiếu, đội tuyển trẻ, tuyển tỉnh (thảm tập luyện và thi đấu các môn võ, vật; bộ dụng cụ nhảy sào môn Điền kinh, dụng cụ tập luyện và thi đấu môn Bắn cung, trang thiết bị cho môn lặn...).

+ Đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng y sinh học và tổ chức chăm sóc, hồi phục sức khoẻ cho vận động viên.

- Cấp huyện và cơ sở:

+ Tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có tại địa phương, đơn vị như: Bể bơi, nhà đa năng, sân tập luyện các môn v.v... để tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và đào tạo vận động viên.

+ Xây dựng quy hoạch, đầu tư xây dựng có hiệu quả các thiết chế còn thiếu, chú ý lồng ghép với các chương trình mục tiêu khác.

3.6. Ban hành chế độ chính sách.

Trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành, sửa đổi, bổ sung và ban hành chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên đảm bảo nguồn lực cho phát triển thể thao thành tích cao như:

- Chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên.

- Chính sách thu hút, ưu đãi đối với các huấn luyện viên, vận động viên xuất sắc; đặc biệt huấn luyện viên, vận động viên là con em Phú Thọ trong và ngoài nước về huấn luyện và thi đấu cho tỉnh.

- Chính sách ưu tiên bố trí việc làm cho các vận động viên có thành tích thi đấu xuất sắc, có phẩm chất đạo đức tốt sau khi tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng thể dục thể thao có nguyện vọng về tỉnh công tác làm huấn luyện viên, giáo viên thể dục thể thao.

- Chính sách cử các vận động viên, huấn luyện viên xuất sắc đi tập huấn ở nước ngoài.

- Chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho thể thao thành tích cao.

3.7. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá thể dục thể thao.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hoá các hoạt động thể dục thể thao; tăng cường công tác vận động tài trợ, huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thể thao thành tích cao.

- Từng bước thực hiện việc chuyển một số đội tuyển thể thao của tỉnh cho các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

- Thành lập các câu lạc bộ thể thao, lập các quỹ tài trợ, quỹ bảo trợ tài năng thể thao, nhất là tài năng trẻ.

3.8. Đảm bảo kinh phí thực hiện.

- Ngân sách hàng năm được phân bổ cụ thể như sau:

+ Năm 2011: 19.692.300.000đ. Trong đó: Đào tạo vận động viên năng khiếu: 8.497.000.000đ; đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh: 11.195.300.000đ.

+ Năm 2012: 23.043.200.000đ. Trong đó: Đào tạo vận động viên năng khiếu: 9.917.600.000đ; đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh: 13.125.600.000đ.

+ Năm 2013: 25.160.195.000đ. Trong đó: Đào tạo vận động viên năng khiếu: 13.697.500.000đ; đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh: 11.462.695.000đ.

+ Năm 2014: 29.388.495.000đ. Trong đó: Đào tạo vận động viên năng khiếu: 15.629.200.000đ; đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh: 13.759.295.000đ.

+ Năm 2015: 28.160.780.000đ. Trong đó: Đào tạo vận động viên năng khiếu: 17.711.160.000đ; đào tạo vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh: 10.449.620.000đ.

- Tổng kinh phí thực hiện đề án đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015 (không tính phần xây dựng cơ bản và chi thường xuyên) là: 125.444.970.000đ.

- Nguồn ngân sách:

+ Ngân sách địa phương : 120.000.000.000đ

+ Xã hội hoá : 3.444.970.000đ

+ Từ các nguồn khác : 2.000.000.000đ

3.9. Tăng cường quản lý Nhà nước.

- Quản lý chặt chẽ lực lượng vận động viên, đảm bảo tính thống nhất giữa các tuyển.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các tổ chức xã hội, các đơn vị, cá nhân tham gia vào công tác đào tạo vận động viên.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức thi đấu từ tỉnh đến cơ sở làm tiền đề cho công tác tuyển chọn vận động viên.

- Tạo mọi điều kiện các đội tuyển tham gia thi đấu nhiều giải khu vực và toàn quốc hàng năm nhằm nâng cao trình độ bản lĩnh và khả năng chuyên môn cho vận động viên và huấn luyện viên.

- Tăng cường đăng cai tổ chức các cuộc thi đấu khu vực, toàn quốc.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trọng tài của tỉnh tham gia điều hành các giải thể thao khu vực và toàn quốc.

- Thường xuyên giáo dục đạo đức, chính trị cho lực lượng Trọng tài, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, vận động viên.

- Thực hiện tốt công tác khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên, có thành tích xuất sắc và kỷ luật đối với vận động viên, huấn luyện viên vi phạm kỷ luật, quy chế quản lý, đào tạo vận động viên.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện.

1.1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Chủ trì thực hiện đề án; phối hợp với các cấp, các ngành liên quan cụ thể hoá các nhiệm vụ và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án; đồng thời chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

1.2. Sở Giáo dục & Đào tạo: Có trách nhiệm nghiên cứu và áp dụng các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học, bố trí giáo viên thể dục thể thao và tổ chức các lớp năng khiếu trong trường học; tạo điều kiện cho học sinh được tham gia tập huấn và thi đấu thể thao đỉnh cao của tỉnh, quốc gia. Phối hợp Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện kế hoạch tuyển chọn vận động viên năng khiếu. Chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể dục và Du lịch thống nhất tổ chức các kỳ Hội khoẻ Phù Đổng, các giải thể thao học sinh.

1.3. Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo đề xuất ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở vật chất và ngân sách thực hiện nhiệm vụ đào tạo, tập huấn và thi đấu của động viên đạt thành tích xuất sắc, khuyến khích các đơn vị, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thể thao thành tích cao.

1.4. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch rà soát tổ chức bộ máy của các tổ chức sự nghiệp thể dục thể thao, thống nhất nhu cầu đội ngũ huấn luyện viên các môn thể thao để thực hiện nhiệm vụ thể thao thành tích cao của tỉnh đến năm 2015, trình ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

1.5. Công an tỉnh: Chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo tổ chức tuyển chọn và bố trí học văn hoá cho vận động viên; trực tiếp quản lý đào tạo vận động viên đội tuyển Bóng chuyên Công an tỉnh.

1.6. Đề nghị Tổng công ty giấy Việt Nam chủ trì phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo tổ chức tuyển chọn và bố trí học văn hoá cho vận động viên; trực tiếp quản lý đào tạo vận động viên đội tuyển Bóng chuyên nữ Tổng công ty giấy Việt Nam.

1.7. Báo Phú Thọ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng thường trú trên địa bàn tỉnh, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thường xuyên tổ chức tuyên truyền các hoạt động thể dục thể thao nói chung và đặc biệt về công tác đào tạo vận động viên nâng cao thành tích thể thao của tỉnh.

1.8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị: Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục & Đào tạo và các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện đề án đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 -

2015 trên địa bàn; quy hoạch sử dụng đất cho hoạt động thể dục thể thao; huy động các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục thể thao; đẩy mạnh phong trào tập luyện thể dục thể thao trong nhân dân và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến đào tạo vận động viên tại địa bàn địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất.

2.1. Đề nghị Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao & Du lịch; Tổng cục Thể dục thể thao đưa một số chương trình mục tiêu phát triển sự nghiệp thể thao về tỉnh Phú Thọ và tạo điều kiện cho Phú Thọ đăng cai một số giải thể thao khu vực và toàn quốc.

2.2. Đề nghị Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015; Hội đồng nhân dân tỉnh ra Nghị quyết về việc ban hành một số chế độ chính sách phát triển sự nghiệp thể dục thể thao.

KẾT LUẬN

Đề án đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII. Đề án được xây dựng trên cơ sở đánh giá công tác đào tạo vận động viên, nâng cao thành tích thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2005 - 2010 và những yêu cầu về phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trong giai đoạn mới.

Các bước xây dựng đề án được triển khai theo trình tự khoa học và chặt chẽ có kế thừa những thông tin, ý kiến tham gia và đánh giá của các sở, ban ngành có liên quan để xây dựng bước đi phù hợp phát triển sự nghiệp thể dục thể thao của tỉnh.

Với mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của đề án được thực hiện thì chất lượng, hiệu quả công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên và nâng cao, thành tích thi đấu các môn thể thao sẽ được phát triển, đồng thời đảm bảo tính ổn định trong phát triển thể thao thành tích cao.

Để thực hiện các nhiệm vụ của đề án một cách có hiệu quả và đúng với các mục tiêu đề ra cần có sự quan tâm của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan, Tổng cục Thể dục thể thao, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, sự ủng hộ tham gia tích cực của hệ thống chính trị và toàn xã hội; đặc biệt là sự tham gia tích cực của đội ngũ những người làm công tác thể thao trong toàn tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Kế San (Đã ký)

**SỐ LỚP, SỐ VĐV NĂNG KHIẾU CƠ SỞ, SỐ VĐV NĂNG KHIẾU ĐÀO TẠO TẬP TRUNG
VÀ SỐ VĐV TUYỂN TRẺ, TUYỂN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

TT	Môn	SỐ LỚP, SỐ VĐV NĂNG KHIẾU CƠ SỞ										SỐ VĐV NĂNG KHIẾU TẬP TRUNG					SỐ VĐV ĐỘI TUYỂN TRẺ, TUYỂN TỈNH				
		2011		2012		2013		2014		2015		2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015
		Lớp	VĐV	Lớp	VĐV	Lớp	VĐV	Lớp	VĐV	Lớp	VĐV										
1	Bóng đá					3	42	3	44	4	50	32	24	28	32	32					
2	Bóng bàn					2	24	2	30	2	30	20	20	20	20	20					
3	Cầu lông					2	24	2	30	2	30	32	24	24	24	24					
4	Đá cầu							1	12	2	20	14	18	18	18	18					
5	Karatedo							1	12	2	20	14	14	14	14	14					
6	Bóng chuyền											20	20	20	20	20					
7	Wushu							1	12	1	12			6	12	12	16	16	16	16	16
8	Điền kinh					2	30	2	30	3	40	30	30	30	30	30	20	20	20	20	20
9	Vật tự do-CD					2	30	2	30	2	30	18	20	20	20	20	20	20	20	20	20
10	Bơi											10	10	10	10	10	18	18	18	18	18
11	Bắn cung													12	12	12	18	18	18	18	18
12	Vật dân tộc																18	18	18	18	18
13	Judo																16	16	16	16	16
14	Tennis					3	45	3	45	3	45				10	10					
15	Bắn nỏ					3	45	3	45	3	45										
	Tổng số					17	240	20	290	24	322	176	174	196	216	216	126	126	126	126	126

Phụ biểu 2:

ĐỘI NGŨ HUẤN LUYỆN VIÊN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

TT	CHỨC DANH	NĂM		HLV ĐỘI TUYỂN TRẺ, TUYỂN TỈNH										HLV NĂNG KHIẾU									
		2011		2012		2013		2014		2015		2011		2012		2013		2014		2015			
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng		
1	HLV bóng đá	4		4		4		4		4		1	1	2	1	2	1	2	1	2	1		
2	HLV điền kinh	3	1	4		4		4		4		4	1	4	1	4	1	4	1	4	1		
3	HLV vật dân tộc	1	1	2	1	2	1	2	1	2	1												
4	HLV bắn cung	2	1	3	1	3	1	3	1	3	1												
5	HLV bơi lội	1	1	2	1	2	1	2	1	2	1		1	1	1	2		2		2			
6	HLV bóng bàn	1		1		1		1		1		2		2		2		2		2			
7	HLV Wushu		2	1	1	2	1	2	1	2	1			1		1		1		1			
8	HLV Taekowondo	1		1		1		1		1													
9	HLV vật tự do-CD	1	1	2	1	2	1	2	1	2	1	1	1	2		2		2		2			
10	HLV Judo		2	1	1	2	1	2	1	2	1												
11	HLV thể dục	2		2		2		2		2													
12	HLV Karatedo												1	1	1	2		2		2			
13	HLV đá cầu											1	1	2		2		2		2			
14	HLV bóng chuyền											2	1	3		3		3		3			
15	HLV cầu lông											1	1	2		2		2		2			
16	HLV tennis																3	2	3	2	3		
17	HLV bắn nỏ																3		3		3		
18	Y học thể thao			1		1		1		1													
Tổng số		17	9	24	6	26	6	26	6	26	6	12	8	20	4	22	8	24	8	24	8		
		26		30		32		32		32		20		24		30		32		32			

Phô biÓu 3:

**TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU TUYỂN TRẺ,
TUYỂN TỈNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	NỘI DUNG CHI	ĐÀO TẠO VĐV NĂNG KHIẾU					ĐÀO TẠO VĐV TUYỂN TRẺ, TUYỂN TỈNH				
		2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015
I	Đào tạo VĐV năng khiếu cơ sở			1.542.000	1.806.000	1.949.360					
II	Đào tạo VĐV năng khiếu tập trung										
1	Tiền ăn VĐV, HLV	2.803.200	3.522.700	4.607.300	5.163.400	5.802.900					
2	Tiền công VĐV	620.500	713.600	820.600	943.700	1.085.300					
3	Hợp đồng HLV	140.000	161.000	185.200	213.000	245.000					
4	Trang thiết bị dụng cụ tập luyện, thi đấu	1.204.762	1.385.500	1.593.300	1.832.300	2.107.100					
5	Trang phục VĐV, HLV	286.080	329.000	378.400	435.200	500.500					
6	Kinh phí tập huấn, thi đấu	989.600	1.138.000	1.308.700	1.505.000	1.730.800					
7	Khen thưởng (HLV + VĐV)	30.000	34.500	39.700	45.700	52.600					
8	Đào tạo HLV	60.000	69.000	97.400	91.300	105.000					
9	Các khoản chi khác (Điện, nước, sân bãi...)	2.362.858	2.717.300	3.124.900	3.593.600	4.132.600					
10	Các CLB TDTT (bắn nò, đẩy gậy)							190.000	190.000	190.000	
11	Đào tạo VĐV tập trung						4.932.900	4.932.900	4.932.900	4.932.900	
12	Tập huấn và thi đấu (kinh phí chênh lệch)						1.854.300	1.942.600	2.440.675	3.761.075	
13	Kinh phí chênh lệch gửi VĐV tập luyện, tập huấn ngoại tỉnh: Bơi lội tập luyện trách đông tại Đà Nẵng...						105.000	760.000	624.120	624.120	
14	Đào tạo HLV + Trang phục HLV						120.000	130.000	140.000	140.000	
15	Hợp đồng HLV + Chế độ HLV của tỉnh						474.500	760.000	584.000	584.000	
16	Hỗ trợ các đội bóng chuyên A1 trở lên						200.000	200.000	200.000	200.000	
17	Mua sắm trang thiết bị dụng cụ tập luyện, tập huấn và thi đấu (quần áo, giày tất, thảm, dụng cụ nhảy sào, cung, tên...)						3.008.600	3.865.600	1.791.000	2.737.200	
18	Khen thưởng + đăng cấp cho VĐV + Bảo hiểm y tế + trả chế độ thôi tập luyện + điện nước, sân bãi phục vụ tập luyện v.v...						500.000	530.000	560.000	590.000	
	Tổng số	8.497.000	9.917.600	13.697.500	15.629.200	17.711.160	11.195.300	13.125.600	11.462.695	13.759.295	

Phụ biểu 4:

**DỰ KIẾN HUY CHƯƠNG VÀ ĐẲNG CẤP VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẠT ĐƯỢC HÀNG NĂM
(ĐỘI TUYỂN TRẺ, ĐỘI TUYỂN TỈNH, VĐV NĂNG KHIẾU)**

TT	NỘI DUNG	ĐỘI TUYỂN TRẺ, TUYỂN TỈNH					VĐV NĂNG KHIẾU				
		2011	2012	2013	2014	2015	2011	2012	2013	2014	2015
1	Số môn tham gia các giải thi đấu khu vực và toàn quốc	7 - 8	7 - 8	7 - 8	7 - 8	7 - 8	7	9	8	10	12
2	Số cuộc tham gia các giải thi đấu khu vực và toàn quốc	21	22	23	24	25	9	16	10	12	14
3	Số lượt vận động viên	300	300	300	300	300	60	230	70	80	80
4	Số huy chương đạt được	55 - 60	60 - 65	65 - 70	70 - 75	70 - 75	14	70	18	20	23
5	Số VĐV đạt đẳng cấp (kiện tướng, cấp I)	14 kiện tướng; 08 cấp I	14 kiện tướng; 08 cấp I	15 kiện tướng; 10 cấp I	18 kiện tướng; 15 cấp I	18 kiện tướng; 15 cấp I	1	3	5	7	8

Phụ biểu 5:

DỰ KIẾN HUY CHƯƠNG ĐẠT ĐƯỢC TẠI ĐẠI HỘI THỂ DỤC THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII - 2014

TT	MÔN	ĐẠI HỘI TDTT TOÀN QUỐC			
		HUY CHƯƠNG			Tổng huy chương
		Vàng	Bạc	Đồng	
1	Wushu	1	2	3	6
2	Vật dân tộc	1	2	2	5
3	Judo	1		3	4
4	Vật tự do - cổ điển	1		2	3
5	Bắn cung	2	4	3	9
6	Điền kinh	1		1	2
7	Bơi	1		1	2
8	Bóng chuyền				
	Tổng cộng	8	8	15	31